VINH KHANH

2012

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

SUCCESS

MỤC LỤC

1-10 Thông tin tổng quan

9-10 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

19 Kế hoạch phát triển

11-13 Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

20 Tổ chức Nhân Sự

29-31 Dữ liệu cổ đông

16-18 Những tiến bộ của công ty

21-28 Hội đồng quản trị Ban kiểm soát

1-38 Báo cáo tài chính

Thành lập

Tiền thân của công ty là Xí nghiệp Tư Doanh Cao Su Nhựa Vĩnh Khánh, được thành lập vào năm 1993 tại tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương). Lĩnh vực hoạt động chính của Vĩnh Khánh là sản xuất và kinh doanh ống nhựa phục vụ ngành bưu chính viễn thông.

Phát triển

Năm 1995

Xí nghiệp đổi tên thành Công ty TNHH Vĩnh Khánh với vốn điều lệ 5,3 tỷ VND theo Giấy phép thành lập số 396/GB.UB số phát hành 4399/GP-TL-DN-02 ngày 05/12/1995 do Uỷ Ban Nhân Dân tỉnh Sông Bé cấp.

Năm 1997

Công ty tăng vốn điều lệ lên 8,7 tỷ VND, bổ sung thêm một số ngành nghề kinh doanh, đầu tư vào ngành Viễn thông, bắt đầu là sản xuất dây điện thoại thuê bao (dropwire).

Năm 1999

Nhận thức tầm quan trọng của việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, Vĩnh Khánh là một trong những doanh nghiệp tư nhân Việt Nam tiên phong trong việc đầu tư xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9002.

Năm 2002

Với những nỗ lực phấn đấu và vươn lên trong suốt 5 năm, Vĩnh Khánh được Liên Đoàn Công Nghiệp Nhựa ASEAN tuyên dương là "Đơn vị tiêu biểu 5 năm liền 1997 – 2001" (Top 60).Những cố gắng của Vĩnh Khánh tiếp tục được Hiệp Hội Nhựa Việt Nam ghi nhận và trao tặng bằng khen "Doanh nghiệp xuất sắc 5 năm liền 1997 – 2002" (Top 24) vì trong 5 năm có tốc độ tăng trưởng 15% - 25% trên các mặt doanh thu, lợi nhuận, nộp Ngân sách Nhà nước và mức tăng tiền lương cho người lao động..

Năm 2003

Vĩnh Khánh cổ phần hoá và đổi tên thành Công ty Cổ Phần Vĩnh Khánh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000070 ngày 02/06/2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp. Năm 2003 là một bước ngoặt trong lịch sử phát triển của Vĩnh Khánh vì trong năm này Vĩnh Khánh đã mạnh dạn sắp xếp, tinh giản cơ cấu ngành nghề kinh doanh theo hướng hiệu quả hơn.

Năm 2005

Công ty chính thức mang tên Công ty Cổ Phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh, với vốn điều lệ là 85 tỷ đồng. Từ năm 2003 đến nay, Vĩnh Khánh đã đạt được những con số ấn tượng: doanh thu năm sau tăng gần gấp đôi năm trước, từ 141 tỷ đồng (năm 2004) lên 235 tỷ đồng (năm 2005), 523 tỷ (năm 2006), 598 tỷ đồng (năm 2007), 262 tỷ (năm 2008), 356 tỷ (năm 2009), 476 tỷ (năm 2010), 669 tỷ (năm 2011) và 742 tỷ (năm 2012).

Năm 2008

Với sự chuyển đổi công nghệ từ sử dụng cáp đồng sang cáp quang trong ngành viễn thông, Vĩnh Khánh quyết định đầu tư nghiên cứu và triển khai sản xuất sản phẩm mới – cáp mạng LAN (Local Area Network) và trở thành nhà máy đầu tiên ở Việt Nam sản xuất các mặt hàng cáp mạng LAN loại Slim và Flat, phục vụ cho thị trường xuất khẩu.

Năm 2009

Để mở rộng phát triển, Vĩnh Khánh tăng vốn điều lệ lên 130 tỷ đồng.

Năm 2010

Công ty chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội Với mã chứng khoán VKC.

Trải qua 19 năm xây dựng và phát triển, từ một xí nghiệp nhỏ sản xuất ống nhựa công suất trung bình 2000 tấn/năm, đến nay Vĩnh Khánh đã mở rộng quy mô và thay đổi cơ cấu ngành nghề kinh doanh hợp lý, có khả năng cung cấp trung bình một năm 480.000 thùng cáp mạng LAN, 180.000 km dropwire, 720.000 kg đồng dây và cáp điện, 6.000 tấn nhựa và 36.000 km cáp quang.

THE
NEY &
e Lehm
e Fo

Tầm nhìn

Vĩnh Khánh là một tổ chức uy tín, lớn mạnh hàng đầu tại Việt Nam chuyên sản xuất và kinh doanh đa dạng các sản phẩm trong ngành viễn thông và công nghiệp xây dựng, vững bền bằng nỗ lực lao động cần cù, sáng tạo, hưng thịnh nhờ xây đắp niềm tin cho khách hàng, mang lại giá trị tốt đẹp cho các thành viên.

Sứ mệnh

Vĩnh Khánh nhiệt thành cam kết cung cấp những sản phẩm chất lượng bền vững theo thời gian, là nơi tốt đẹp để niềm tin được trao gửi.

Giá trị cốt lõi

Đối với cộng đồng, phải thành tín, trách nhiệm và nhân đạo.
Đối với khách hàng, phải thành tín, thông hiểu và tôn trọng.
Đối với đồng nghiệp phải thành tín, đoàn kết và giúp đỡ.
Đối với đối tác, phải thành tín, hợp tác và cùng phát triển.
Đối với công việc, phải cần cù, sáng tạo và cầu tiến.

LỢI THẾ CỦA VĨNH KHÁNH

Giá

Đặt hàng với số lượng lớn, hợp tác lâu dài sẽ mang đến cho quý khách hàng mức giá rất cạnh tranh.

Chất lượng

Chúng tôi thấu hiểu mối quan hệ khăng khít giữa chất lượng sản phẩm, uy tín công ty và sự hợp tác của khách hàng. Vì thế chúng tôi cam kết mang đến cho quý khách hàng sản phẩm cao cấp sản xuất trên dây chuyền tốt nhất với thời gian bảo hành lâu dài.

Thời gian

Các thiết bị, phương tiện vận chuyển hiện đại và hiệu quả của Chúng tôi đặt tại Bình Dương sẵn sàng đáp ứng yêu cầu Just In Time của quý khách hàng.

Kinh nghiệm

Chúng tôi tự hào với kinh nghiệm và đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề luôn sẵn sàng đáp ứng tất cả các yêu cầu của quý khách hàng về sản phẩm, thiết kế, đóng gói và thời gian giao hàng.

Dịch vụ

Dịch vụ của Vĩnh Khánh hướng tới tiêu chuẩn "Linh Động, Nhanh Chóng và Cạnh Tranh". Chúng tôi luôn luôn lắng nghe để đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng, chu đáo và hài lòng nhất.

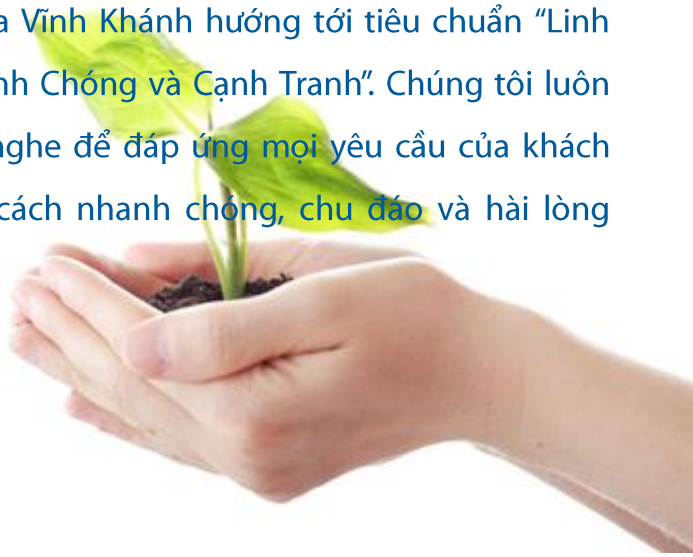

THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

STT	Bằng khen	Cơ quan cấp	Năm
1	Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000	Quacert	2000
2	Top 60 Doanh nghiệp tiêu biểu 5 năm liền (1996 – 2001)	Liên Đoàn Công Nghiệp Nhựa các nước ASEAN	2001
3	Top 50 Doanh nghiệp tiêu biểu	Liên Đoàn Công Nghiệp Nhựa các nước ASEAN	2002
4	Doanh Nghiệp Xuất Sắc 5 năm (1997 - 2002)	Hiệp Hội Nhựa Việt Nam	2002
5	Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao	Báo Sài Gòn Tiếp Thị	2004
6	Cúp Vàng Vietbuild	Bộ Xây Dựng	2003-2011
7	Thương hiệu Công nghiệp Quốc gia hàng đầu	Bộ Công Nghiệp	2006
8	Cúp vàng thương hiệu Việt Nam	Hội liên hiệp Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam	2006
9	Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam	VietnamReport and Vietnamnet	2007 2008
10	Thương hiệu nổi tiếng quốc gia	Bộ Công Thương	2010

Tiếp theo
Chứng nhận
GIẤY CHỨNG NHẬN
CERTIFICATE
CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH KHÁNH
VINH KHANH JOINT STOCK CORPORATION
TCVN ISO 9001 : 2000 / ISO 9001 : 2000

CÚP VÀNG
CÚP VÀNG

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP
TẶNG
BẰNG KHEN
CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH KHÁNH
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CÁC CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

STT	CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU	Địa điểm
1	Tòa nhà 127 Pasteur	Tp. Hồ Chí Minh
2	Khu Dân Cư Thạnh Mỹ Lợi	Tp. Hồ Chí Minh
3	Khu Dân Cư Tân Kiểng	Tp. Hồ Chí Minh
4	Khu Dân Cư Bình Chánh	Tp. Hồ Chí Minh
5	Khu Dân Cư Hóc Môn	Tp. Hồ Chí Minh
6	Khu Dân Cư Tân Phú	Tp. Hồ Chí Minh
7	Khu Dân Cư Cần Giờ	Tp. Hồ Chí Minh
8	Khu Dân Cư Củ Chi	Tp. Hồ Chí Minh
9	Khu Dân Cư Phước Kiểng – Nhà Bè	Tp. Hồ Chí Minh
10	Khu Chế Xuất Tân Thuận	Tp. Hồ Chí Minh
11	Nhà Máy Intel – Khu Công Nghệ Cao	Tp. Hồ Chí Minh
12	Cảng Hiệp Phước	Tp. Hồ Chí Minh
13	Đại lộ Đông Tây	Tp. Hồ Chí Minh
14	Khu Dân Cư Mỹ Phước	Bình Dương
15	Thành phố Bình Dương mới	Bình Dương
16	Khu Dân Cư Nhơn Trạch	Đồng Nai
17	Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 3	Đồng Nai
18	Khu Công Nghiệp Hố Nai	Đồng Nai
19	Khu Công Nghiệp Minh Hưng 3	Bình Phước
20	Khu Công Nghiệp Bourbon	Bình Phước
21	Khu Công Nghiệp Hải Sơn	Long An
22	Khu Dân Cư Bình Minh	Long An
23	Đường dẫn Cầu Cần Thơ	Cần Thơ
24	Khu Dân Cư Đại Ngãi – Sóc Trăng	Sóc Trăng
25	Công trình Đèo Hải Vân – HAZAMA	Đà Nẵng
26	Nhà Máy Lọc Dầu Dung Quất	Quảng Ngãi
27	Nhà Máy Orion Việt	Bình Dương
28	Công Trình Cấp Nước TPHCM	Tp. Hồ Chí Minh
30	Công Trình Cấp Nước Tiền Giang	Tiền Giang
31	Công Trình Cấp Nước Bà Rịa Vũng Tàu	Vũng Tàu
32	Công Trình Cấp Nước Bến Tre	Bến Tre
33	Công Trình Điện Lực TPHCM	Tp. Hồ Chí Minh
34	Công Trình Điện Lực Bình Dương	Bình Dương
35	Công Trình Điện Lực Tây Ninh	Tây Ninh

Nghị Quyết Đại hội cổ đông 2012

1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011 và Kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2012 – 2014.
2. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2011 và trước kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc.
3. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2011 của Ban kiểm soát.
4. Thông qua việc chia cổ tức, trích lập các quỹ. Tỷ lệ chi trả cổ tức không thấp hơn 5% bằng tiền mặt và ủy quyền Hội Đồng Quản trị quyết định thời gian chi trả trong năm 2012.
5. Thông qua Chủ tịch Hội Đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc. Cơ cấu hội đồng quản trị 2012 gồm 5 thành viên và Ban kiểm soát gồm 3 thành viên.
6. Quyết định ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai phương án phát hành 3.000.000 cổ phần hoặc trái phiếu (chuyển đổi hoặc không chuyển đổi) nhằm bổ sung vốn hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các dự án của Công ty.
7. Quyết định ủy quyền Hội đồng quản trị xem xét, quyết định các vấn đề liên quan đến việc thu hẹp hay mở rộng hay thay đổi phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng có lợi nhất cho Công ty.
8. Thông qua việc thương lượng, quyết định nắm giữ trên 50% cổ phần Công ty Cổ Phần Vĩnh Đại nhằm chủ động nguồn nguyên liệu sản xuất, tăng hiệu quả đầu tư.
9. Thông qua quyết định giữ nguyên thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2011 của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không kiêm nhiệm vị trí quản lý trong Công ty cho năm tài chính 2012.
10. Quyết định ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính niên độ 2012.

Thông điệp của

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Kính gửi Quí Cổ đông,

Năm 2012 đi qua với nền kinh tế nước ta tiếp tục bị ảnh hưởng bởi sự bất ổn của kinh tế thế giới do khủng hoảng tài chính và khủng hoảng nợ công ở Châu Âu chưa được giải quyết. Hoạt động sản xuất và thương mại toàn cầu bị tác động mạnh, giá cả hàng hóa diễn biến phức tạp. Những bất lợi từ sự sụt giảm của kinh tế thế giới ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước. Thị trường tiêu thụ hàng hóa bị thu hẹp, hàng tồn kho ở mức cao, sức mua giảm mạnh. Tỷ lệ nợ xấu ngân hàng ở mức đáng lo ngại. Nhiều doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa phải thu hẹp sản xuất, dừng hoạt động hoặc giải thể. Hội đồng quản trị công ty đánh giá đây là năm khó khăn nhất trong vòng 20 năm trở lại đây của Việt Nam. Tuy nhiên chính hoàn cảnh khó khăn là thời điểm để kinh nghiệm quản trị của Vĩnh Khánh phát huy sức mạnh.

Kết thúc năm 2012, trong khi phần lớn các doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực kinh doanh thua lỗ, thậm chí phá sản thì Vĩnh Khánh vẫn đạt mức doanh thu ấn tượng với 742 tỷ đồng, tăng trưởng hơn 10% so với năm 2011 và thu được lợi nhuận trước thuế 12,3 tỷ đồng, tăng hơn 6% so với năm 2011.

Chất lượng tăng trưởng vẫn tiếp tục là nội dung trọng tâm mà Hội đồng quản trị định hướng cho ban điều hành thực hiện. Các giải pháp lớn đã được thực hiện trong các chiến lược phát triển về nhân sự, quản lý rủi ro, thị phần, sự tuân thủ và niềm tin của công chúng.

Trong năm qua, công ty đã đầu tư cải tạo nhà xưởng, trang thiết bị, dây chuyền sản xuất để đáp ứng đầy đủ và kịp thời các đơn hàng, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng và yêu cầu của khách hàng. Hội đồng quản trị định hướng cho Ban lãnh đạo công ty chủ động tìm kiếm mở thêm thị trường mới, phát triển những mối quan hệ kinh doanh với những khách hàng tiềm năng, chăm sóc tốt khách hàng truyền thống bằng uy tín được thể hiện ở chất lượng sản phẩm và giao hàng đúng hạn. Ban lãnh đạo Công ty đã xác định nhiệm vụ trọng tâm là quản lý tốt chất lượng sản phẩm từ khâu nguyên vật liệu cho đến sản xuất ra sản phẩm, xem đây là mục tiêu quyết định có ý nghĩa sống còn trong điều kiện cạnh tranh gay gắt hiện nay. Bên cạnh đó, tiếp tục thực hiện quyết liệt các giải pháp tài chính nhằm sử dụng hiệu quả đồng vốn, tiết kiệm chi phí quản lý, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu suất làm việc của bộ phận quản lý gián tiếp cũng như năng suất lao động và tay nghề công nhân. Tận dụng những cơ hội có được trong tình hình khó khăn để vươn lên phát triển, chủ động tìm ra những yếu kém của chính mình khắc phục, phát huy những lợi thế cạnh tranh.

Trong năm tới, nền kinh tế vẫn phải đối mặt với các nghịch lý như lạm phát và nhập siêu giảm nhưng lại là dấu hiệu lo ngại; ngân hàng thừa thanh khoản nhưng doanh nghiệp lại "đói" vốn; tiến trình tái cơ cấu nền kinh tế đã đạt sự thống nhất cao trong nhiều văn kiện, nhưng triển khai chưa được nhiều. Chính sách điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ trong năm 2013 sẽ mang tính thận trọng rất cao với mục tiêu quan trọng hàng đầu là ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát. Do vậy, sản xuất công nghiệp và đầu tư sẽ tăng trưởng thấp; sức mua của nền kinh tế và nhu cầu tiêu dùng xã hội chưa có dấu hiệu hồi phục. Để tăng cường sức cạnh tranh, Vĩnh Khánh cần nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ, cải tiến sản phẩm phù hợp và đang dạng, phát triển sản phẩm mới, tập trung xuất khẩu, đẩy mạnh kinh doanh vỏ xe và mở rộng mạng lưới phân phối.

Vĩnh Khánh luôn cải tiến hoạt động theo hướng tuân thủ chặt chẽ các quy định trong quản trị và điều hành, phù hợp với quy định luật pháp Việt Nam, tuân thủ chế độ tài chính và công bố thông tin, để duy trì và củng cố niềm tin của cổ đông nói riêng và toàn xã hội nói chung. Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm và ủng hộ của Quý vị cổ đông trong suốt thời gian qua, cảm ơn sự hợp tác tích cực của khách hàng, đối tác lâu năm. Đặc biệt tôi xin dành lời cảm ơn chân thành tới toàn thể cán bộ công nhân viên công ty đã cùng nhau đoàn kết xây dựng thương hiệu và vị thế Vĩnh Khánh trong chặng đường 20 năm qua.

Hội đồng quản trị mong quý cổ đông tiếp tục ủng hộ Công ty. Tôi tin tưởng rằng với chất lượng tăng trưởng của Vĩnh Khánh đã được khẳng định qua các năm trước và các nhóm giải pháp cho các năm tới sẽ nâng thương thiệu Vĩnh Khánh lên một tầm cao mới, bảo vệ và gia tăng lợi ích lâu dài của Quý cổ đông và đóng góp nhiều hơn nữa cho xã hội.

Trân trọng.

Chủ tịch HĐQT

LÂM QUY CHƯƠNG

Báo cáo của

Ban Tổng Giám Đốc

Chức vụ:	Chủ tịch HĐQT Kiêm Tổng giám đốc
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
Trước năm 1993	Sống và làm việc tại Đài Loan
1993-nay	Chủ tịch Hội Đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh

Lâm Quy Chương

Chức vụ:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Trình độ chuyên môn:	Tiến Sĩ Kinh Tế
Quá trình công tác:	
1997-1998	Công ty cổ phần Kigimex
1998 - 2005	Công ty cổ phần Kigimex Công ty cổ phần Tín Nghĩa
2005 - 2006	Công ty cổ phần Tín Nghĩa
2008-nay:	Công ty cổ phần Cáp nhựa Vĩnh Khánh

Nguyễn Thoại Hồng

Chức vụ:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư
Quá trình công tác:	
1997 - nay	Công ty cổ phần Cáp nhựa Vĩnh Khánh

Lê Phẩm Vinh

Trong bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu, kinh tế thế giới suy thoái, tình hình lạm phát trong nước tăng cao, lãi suất tăng cao, đặc biệt là việc chuyển đổi công nghệ từ cáp đồng qua sử dụng cáp quang của ngành Bưu chính viễn thông tiếp tục ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Chi phí sản xuất và hoạt động kinh doanh tăng cao.
- Thiếu vốn để triển khai các dự án đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và phát triển các mảng kinh doanh mới.
- Phải sử dụng đòn bẩy tài chính tài trợ cho các dự án, do đó chí phí lãi vay tăng cao.
- Giá nguyên vật liệu đầu vào thay đổi với tần suất cao và có xu hướng ngày càng gia tăng.

Trước thực tiễn đó, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc và toàn thể các cán bộ công nhân viên đã xác định:

- Duy trì và phát triển các lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là những sản phẩm mang lại doanh thu và lợi nhuận cao như vỏ xe, cáp quang,…
- Tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện công nghệ sản xuất cáp mạng LAN trên dây chuyền sản xuất cáp đồng viễn thông, tìm kiếm thị trường xuất khẩu..
- Chủ động tìm kiếm các nguồn vốn có chi phí thấp, tranh thủ nguồn vay hỗ trợ lãi suất của Chính phủ để giảm chi phí lãi vay..

Với mục tiêu chiến lược và kế hoạch được xác định, Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng giám đốc và gần 300 cán bộ công nhân viên Công ty đã cố gắng tận dụng những thuận lợi, nỗ lực vượt lên những thách thức, khó khăn trên để thực hiện công tác quản trị và kinh doanh một cách tốt nhất cho Công ty trong năm 2012 kết quả đạt được như sau:

Doanh thu thuần (tỷ đồng)

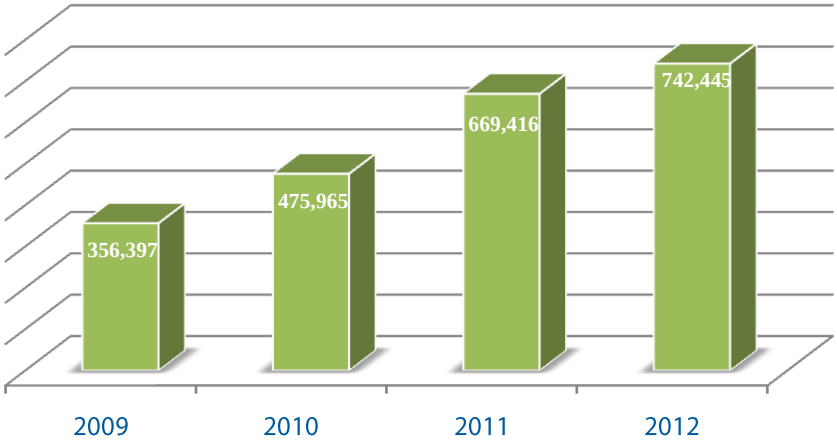

Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)

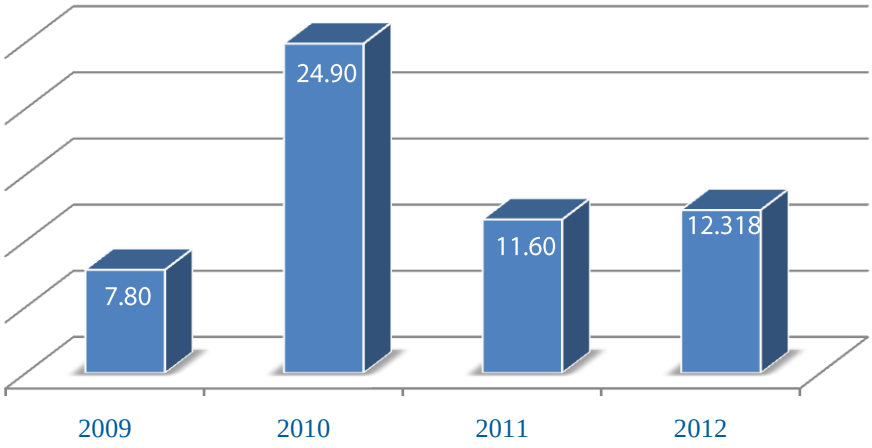

Tổng tài sản (tỷ đồng)

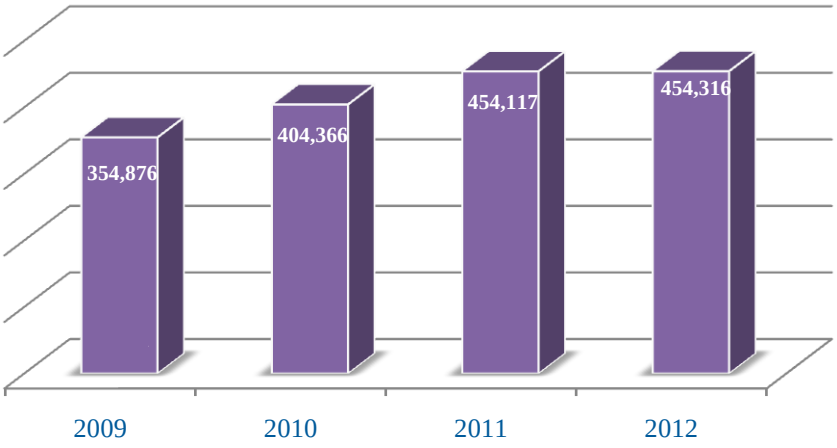

Những phát triển tiến bộ của công ty

ĐẦU TƯ THIẾT KẾ DÂY CHUYỀN TẠO HẠT NHỰA.

Đầu năm 2012, Vĩnh Khánh đưa vào sản xuất đại trà hạt nhựa PVC và PE sau 2 năm nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm thành công. Với việc cải tiến liên tục dây chuyền tạo hạt trên cơ sở tiết kiệm điện năng và nhân lực, hiện nay sản lượng đạt khoảng 300 tấn hạt/tháng trên một dây chuyền sản xuất. Với việc triển khai hệ thống tạo hạt nhựa, Vĩnh Khánh đã hợp lý hóa trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất ống nhựa, đồng thời giảm khoảng 30% giá hạt nhựa so với việc mua ngoài như trước đây. Trong năm 2012 Vĩnh Khánh đã tiết kiệm được khoảng 5 tỷ đồng chi phí từ việc tạo hạt này.

Hiện nay, Xưởng tạo hạt đã cung cấp đầy đủ nhu cầu sử dụng hạt PVC, PE cho việc sản xuất cáp viễn thông, dây điện tại các Xưởng khác của Vĩnh Khánh. Ngoài ra, với các loại hạt PVC đạt tiêu chuẩn chất lượng, giá cả cạnh tranh, Vĩnh Khánh đã cung cấp cho các công ty khác trong ngành và được thị trường chấp nhận.

Với khả năng mở rộng thị trường hạt nhựa, Vĩnh Khánh dự kiến sẽ nghiên cứu áp dụng các công thức tạo hạt mới, nâng cao năng suất tạo hạt của Xưởng. Ngoài việc tiết kiệm chi phí trong sản xuất, Xưởng tạo hạt đã góp phần đưa vào danh mục sản phẩm của Vĩnh Khánh một loại sản phẩm mới, làm tăng tính đa dạng và hiệu quả trong hoạt động sản xuất của Công ty.

NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH TRÊN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

Năm 2012, Vĩnh Khánh đã xuất hơn 5.000.000 m dây thuê bao và hơn 7.000.000 m dây cáp Lan ra thị trường nước ngoài. Tại thị trường Phillipine, sản phẩm dây thuê bao đồng và các sản phẩm cáp viễn thông được các công ty viễn thông tại đây rất đề cao về chất lượng sản phẩm. Sản phẩm của Vĩnh Khánh đã được sử dụng trong các công trình tại các thành phố lớn như Manila, Baguio, Laoag,… Theo hợp đồng và đơn đặt hàng cáp viễn thông của đối tác nước ngoài, Vĩnh Khánh sẽ chuyển khoản 2.500 Km dây/tháng, tương đương 30.000 km trong năm 2013. Giá trị ước tính ban đầu khoảng 3tr USD. Phía đối tác Phillipine cũng thường xuyên có chuyến thăm Vĩnh Khánh để đề xuất hợp tác trên các dòng sản phẩm dây thuê bao quang, dây nhảy quang, thiết bị đầu cuối cũng như các phụ kiện viễn thông tại các thị trường tiềm năng như Malaysia, Indonesia, Phillipine.

Song song với thị trường Phillipine, Vĩnh Khánh vẫn tiếp tục duy trì thế mạnh xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản với dòng sản phẩm chuyên biệt là cáp mạng Lan dạng Slim và Flat với những tính năng nổi bật như: thiết kế dây nhỏ tròn hoặc dẹp giảm tác động của lực bên ngoài lên bước xoắn của dây, hình dáng dây nhỏ gọn, tính thẩm mỹ cao, dễ thi công, thông số test đạt chuẩn và FLUKE DTX-1800 CAT6, đáp ứng yêu cầu truyền dẫn với tốc độ cao.

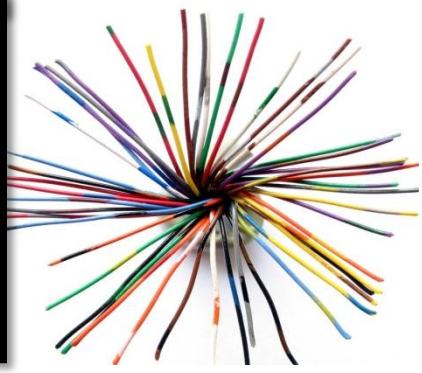

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỒNG BỘ NHÀ MÁY

Nắm bắt được xu thế và nhu cầu phát triển của thị trường nội địa và tiềm năng xuất khẩu đối với các mặt hàng ngành cáp, Vĩnh Khánh không chỉ đề cao, tập trung vào sản xuất các sản phẩm chủ lực cáp và vật liệu viễn thông mà còn định hướng đa dạng hóa danh mục sản phẩm cáp để có thể đáp ứng rộng rãi nhu cầu của thị trường. Theo đó, ngoài sản phẩm chủ lực là cáp viễn thông thì Công ty còn đẩy mạnh đầu tư và phát triển sản xuất những sản phẩm cáp và vật liệu điện, dây đồng, cáp quang, v.v...

Trong năm qua, công ty đã quyết định di dời nhà máy sản xuất cáp về tập trung trong khuôn viên sản xuất với xưởng nhựa. Nhà máy mới khai trương có tổng diện tích hơn 10.000 m^2 bao gồm khu nhà xưởng được trang bị dây chuyền sản xuất và thiết bị hiện đại. Những dây chuyền sản xuất cáp hiện đại theo tiêu chuẩn Châu Âu của Công ty có khả năng hoạt động với công suất cao và tiết kiệm chi phí tiêu hao nguyên vật liệu. Hiện tại dây chuyền sản xuất của Công ty vẫn chưa chạy hết công suất do đó vẫn còn có khả năng gia tăng công suất trong thời gian tới.

Thêm vào đó, xưởng sản xuất cáp quang của Công ty đi vào sản xuất giúp Công ty đa dạng hóa các sản phẩm khi mặt hàng cáp đồng đang có xu hướng bị thay thế bởi sản phẩm cáp quang.

Việc xây dựng các nhà máy và xưởng sản xuất cáp nằm cạnh nhau trong cùng khuôn viên Công ty giúp tiết kiệm chi phí sản xuất, vận chuyển, đồng thời tạo nên tính đồng bộ và liên kết trong bộ máy quản lý, điều hành trong nội bộ của Công ty.

Công suất của nhà máy mới là 15.000.000 m dây viễn thông, 10.000.000 m dây thuê bao quang và dây nhảy quang cùng các loại sản phẩm khác.

ĐẦU TƯ NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT

Hiện tại với mức độ phát triển về ngành công nhệ thông tin ngày càng mạnh mẽ, với vai trò là nhà sản xuất cung cấp các thiết bị và sản phẩm của ngành viễn thông, Vĩnh Khánh đã và đang triển khai đầu tư nghiên cứu để phát triển công nghệ của mình. Sự ra đời và phát triển của phân xưởng sản xuất cáp quang và dây nhảy quang đã đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ cả về chất và lượng của sản phẩm đầu ra.

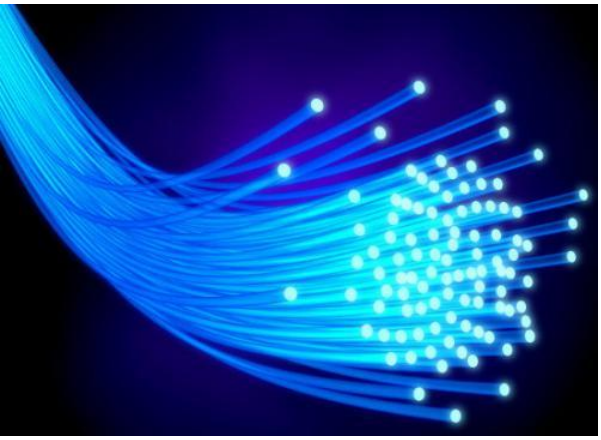

Phân xưởng cáp quang chủ yếu tập trung sản xuất dây FTTH (fiber to the home) và các loại dây nhảy quang. Trên thế giới , FTTH đã và đang được triển khai mạnh mẽ ở các nước phát triển như Đan Mạch, Pháp, Hồng Kông, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thụy Điển, Đài Loan và Mỹ… Hiện, công nghệ FTTH có khoảng 50 triệu kết nối toàn cầu, trong đó châu Á được đánh giá là thị trường rất có tiềm năng. Tại Việt Nam, trong xu thế phát triển chung, ngày càng nhiều doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ này.

Vĩnh Khánh đánh giá FTTH chính là chìa khóa then chốt của việc phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông quốc gia. Việt Nam cũng đang nằm trong bản đồ nóng của sự chuyển đổi sang FTTH. Điều đó hứa hẹn cho người dùng Internet một viễn cảnh băng thông rộng, bắt kịp nhịp độ phát triển công nghệ đang nóng từng ngày từng giờ trên thế giới.

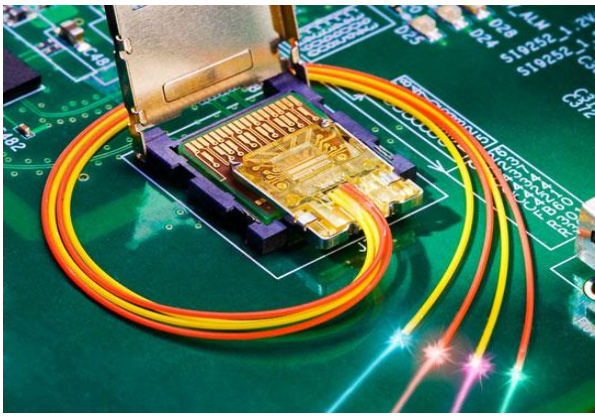

Hiện tại với năng suất của mình, Vĩnh Khánh đang cung cấp cho thị trường Việt Nam khoảng 2,000,000 m dây FTTH mỗi tháng cùng các loại dây nhảy quang. Trong năm tới, Vĩnh Khánh sẽ đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm này để tận dụng tối đa thế mạnh công nghệ, nâng tối đa năng xuất của phân xưởng.

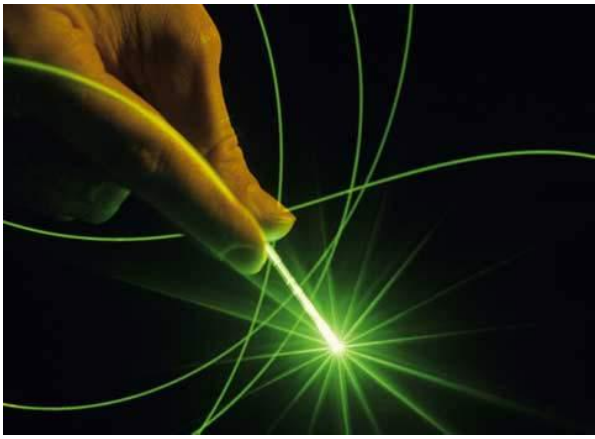

ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỦI RO CHO CÁC NGÀNH

Trong năm 2012, công ty đã sử dụng một số biện pháp để hạn chế việc giá đồng biến động quá nhiều gây ảnh hưởng tới giá thành sản phẩm như lập kế hoạch sản xuất chi tiết; tổ chức thực hiện nghiên cứu, đánh giá về sự biến động giá nguyên liệu trên thị trường thế giới để làm cơ sở cho việc dự trữ nguyên vật liệu; thực hiện các hợp đồng mua nguyên vật liệu theo kỳ hạn để bình quân biến động giá nguyên vật liệu theo thị trường thế giới ; hợp lý hoá quy trình sản xuất để giảm hao hụt nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất, tận dụng triệt để sản phẩm hỏng cho những khâu sản xuất khác. ..

Với việc ra đời và đưa vào sản xuất phân xưởng tạo hạt, Vĩnh Khánh đã hoàn tất chu trình sản xuất và quản lý khép kín, tận dụng tối đa tính năng sản phẩm, tránh hao hụt, thất thoát và lãng phí trong sản xuất ngành cáp và ngành nhựa. Với công nghệ tiên tiến cùng với đội ngũ kỹ sư, chuyên gia có kinh nghiệm lâu năm trong nghề đến từ Đài Loan và Trung Quốc cùng hệ thống nhà máy và máy móc hiện đại, đã giảm thiểu giá thành nguyên vật liệu đầu vào, tránh biến động theo tình hình thế giới đồng thời góp phần tăng năng suất của tất cả các ngành sản xuất trong năm nay.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Những năm tiếp theo 2013 – 2015, Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc xác định đây là giai đoạn nền kinh tế thế giới nói chung, Việt Nam nói riêng sẽ trong giai đoạn hồi phục. Tuy nhiên, tình hình kinh tế vẫn sẽ tiếp tục khó khăn với lãi suất và lạm phát tiếp tục ở mức cao.

Tiếp tục thực hiện phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng bền vững, cơ cấu sản phẩm theo hướng hiệu quả, phát triển thị trường theo hướng đa dạng, đổi mới quản trị và hiệu quả quản lý để đạt được mục tiêu sản xuất kinh doanh là những giải pháp được ban Tổng Giám Đốc chú trọng triển khai. Các chỉ tiêu kế hoạch trong năm sắp tới như sau:

STT	CHỈ TIÊU (triệu đồng)	2013	2014	2015
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	764,719	787,660	819,167
2	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**764,719**	**787,660**	**819,167**
3	Giá vốn hàng bán	694,753	715,596	740,641
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	69,966	72,065	78,525
5	Doanh thu hoạt động tài chính	603	633	664
6	Chi phí tài chính	21,000	21,000	22,000
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	20,000	20,000	21,000
7	Chi phí bán hàng	17,562	18,440	19,731
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	16,710	17,545	18,774
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15,296	15,712	18,685
13	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**15,296**	**15,712**	**18,685**
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2,294	2,357	2,803
15	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**13,002**	**13,355**	**15,882**
16	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**1,000**	**1,027**	**1,222**

Hội đồng quản trị

Lê Phẩm Vinh	Phạm Linh	Lâm Quy Chương	Hoàng Văn Quyền	Nguyễn Thoại Hồng
Thành viên	Thành viên	Chủ tịch	Thành viên	Thành viên

Lâm Quy Chương

Chức vụ:	**Chủ tịch HĐQT – Kiêm Tổng giám đốc**
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Qúa trình công tác:	
Trước năm 1993	Sống và làm việc tại Đài Loan
1993-nay	Chủ tịch Hội Đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh

Phạm Linh

Chức vụ:	Thành viên HĐQT
Trình độ chuyên môn:	Tiến sĩ kinh tế
Qúa trình công tác:	
03/1996-06/2003	Trưởng bộ phận quản lý tín dụng - Ngân hàng United Overseas Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
06/2003-07/2007	Giám đốc kinh doanh - Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam, Chi nhánh Hồ Chí Minh
08/2007-12/2009	Tổng Giám đốc - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam
12/2009-nay	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng Phương Đông

Hoàng Văn Quyền

Chức vụ:	Thành viên HĐQT
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Kinh tế Bưu điện
Quá trình công tác:	
05/1962 - 1975	Tham gia hoạt động cách mạng
1975 - 1993	Bưu điện thành phố
1993 - 2005	Phó giám đốc Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh
2005 – nay:	Nghỉ hưu theo chế độ

Nguyễn Thoại Hồng

Chức vụ:	Thành viên HĐQT - kiêm Phó Tổng Giám đốc
Trình độ chuyên môn:	Tiến Sĩ Kinh Tế
Quá trình công tác:	
1997-1998	Công ty cổ phần Kigimex
1998 - 2005	Công ty cổ phần Kigimex và Công ty cổ phần Tín Nghĩa
2005 - 2006	Công ty cổ phần Tín Nghĩa
2008-nay:	Công ty cổ phần Cáp nhựa Vĩnh Khánh

Lê Phẩm Vinh

Chức vụ:	Thành viên HĐQT - kiêm Phó Tổng Giám đốc
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư
Quá trình công tác:	
1997 - 2007	Công ty cổ phần Cáp nhựa Vĩnh Khánh
2008-nay:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh

Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2012, các thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) đã tích cực phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh. HĐQT đã tổ chức 01 kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 cùng nhiều phiên họp HĐQT trực tiếp để kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động cũng như chỉ đạo thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chủ tịch HĐQT đã chủ trì các cuộc họp của HĐQT, đồng thời thay mặt các thành viên HĐQT tham dự các cuộc họp với Ban Tổng Giám đốc, các Trưởng phòng chức năng của công ty để nghe báo cáo tình hình hoạt động tổ chức và kinh doanh, có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại các cuộc họp. Bên cạnh đó, thành viên HĐQT cũng thường xuyên nhận được thông báo từ Chủ tịch HĐQT thông qua văn bản, email hoặc điện thoại về tình hình hoạt động của công ty để thống nhất ý kiến chỉ đạo và ra các quyết định. Do đó HĐQT luôn nắm bắt sát sao, kịp thời để chỉ đạo và đôn đốc các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.

Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT.

4
5

Ban kiểm soát

Võ Thiên Chương	Lê Minh Chi	Hà Anh Tuấn
Thành viên	Trưởng ban	Thành viên

Lê Minh Chi

Chức vụ:	Trưởng Ban kiểm soát
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân tài chính kế toán
Quá trình công tác:	
1997-1998:	Kế toán trưởng Công ty TNHH T&H và New North South
1998-2005:	Giám đốc điều hành Công ty TNHH Châu Thới
2005-2006:	Giám đốc điều hành Công ty TNHH Châu Thới
2006-2008:	Giám đốc điều hành Cty TNHH Châu Thới và Giám đốc tài chính Công ty TNHH Thịnh Phát
2008-nay:	Trưởng ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh

Hà Anh Tuấn

Chức vụ:	Thành viên Ban kiểm soát
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Ngân hàng
Quá trình công tác:	
1975 - 1987 :	Trưởng phó phòng chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tỉnh An Giang
1987 – 1989:	Phó giám đốc Công ty Vàng bạc đá quý tỉnh An Giang
1989 – 1990:	Giám đốc Công ty Dịch vụ du lịch thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang
1990 – 1991:	Phó ban Quản lý dự án nhà đất tỉnh An Giang
1991 – 2000:	Phó ban Quản lý dự án nhà đất tỉnh An Giang kiêm Trưởng ban trù bị Ngân hàng Đồng bằng sông Cửu Long
2000 – 2001:	Giám đốc phát triển thị trường Công ty CP An Phú
2001 – 2003:	Phó giám đốc Công ty CP Hiệp Tân
2006 – nay:	Thành viên Ban kiểm soát

Võ Thiên Chương

Chức vụ:	Thành viên Ban kiểm soát
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính - Kế toán
Quá trình công tác:	
2003-2007	Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A, kế toán trưởng + Trợ lý kiểm toán
2007-2011	Giám đốc chi nhánh Tp Hồ Chí Minh Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam
2012-nay	Thành viên Ban Kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban Kiểm Soát đã thực hiện kiểm soát theo đúng Điều lệ Công ty và đã có thông báo kết quả kiểm tra kiểm soát cùng các đề xuất kiến nghị với Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám Đốc (TGĐ) để có biện pháp khắc phục trong hoạt động quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm Soát đã tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT, của Ban TGĐ để tham gia góp ý hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ, các nghị quyết của HĐQT và việc thực hiện nghị quyết của Đại Hội cổ đông thường niên năm 2011 cũng như các vấn đề liên quan đến quản lý điều hành trong Công ty.

Kiểm tra, đánh giá việc chấp hành chính sách, chế độ tài chính kế toán, quản lý công nợ, quản lý chi phí thông qua việc kiểm tra báo cáo hàng tháng, hàng quý của Công ty.

Ban Kiểm Soát đảm bảo đã làm việc theo đúng chức năng, trách nhiệm, quyền hạn được quy định trong Điều lệ của Công ty Cổ Phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh.

Tình hình tuân thủ và kiểm soát nội bộ

Tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều nằm trong phạm vi được cho phép theo giấy Đăng ký kinh doanh, cũng như theo các quy định và luật pháp hiện hành tại Việt Nam .

Cùng với các nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Tổng Giám Đốc cũng đã tập trung vào việc củng cố quản trị doanh nghiệp, rà soát lại các quy trình, quy định cho phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Công ty.

Công ty luôn củng cố, sắp xếp lại bộ máy tổ chức nhân sự nhằm hoàn thiện hơn nữa các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Những kiến nghị và đề xuất của kiểm toán viên và của Ban Kiểm Soát đã được Ban Quản Trị Công ty xem xét thích đáng và triển khai thực hiện

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2012

Năm 2012, số tiền thù lao đã chi cho HĐQT và Ban kiểm soát là 530.000.000 đồng bằng 100% tổng thù lao của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát không kiêm nhiệm quản lý đã được phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2012, cụ thể:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (tr đồng)	Lợi ích khác (tr đồng)
1	Lâm Quy Chương	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ		312
2	Phạm Linh	Thành viên HĐQT	100	
3	Hoàng Văn Quyền	Thành viên HĐQT	100	
4	Lê Phẩm Vinh	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ		243
5	Nguyễn Thoại Hồng	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ		360
6	Lê Minh Chi	Thành viên BKS		180
7	Hà Anh Tuấn	Thành viên BKS		90
8	Võ Thiên Chương	Thành viên BKS	60	

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên chủ chốt (tính tới ngày 31/12/2012)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần do cá nhân nắm giữ
1	Lâm Quy Chương	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	3.035.602
2	Phạm Linh	Thành viên HĐQT	-
3	Hoàng Văn Quyền	Thành viên HĐQT	120.000
4	Lê Phẩm Vinh	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	12.510
5	Nguyễn Thoại Hồng	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	107.580
6	Lê Minh Chi	Trưởng Ban kiểm soát	1.000
7	Hà Anh Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát	1.500
8	Võ Thiên Chương	Thành viên Ban kiểm soát	-
9	Dương Minh Hòa	Kế toán trưởng	10.000
10	Lương Minh Tuấn	Người công bố thông tin	-

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

Tổ chức & Nhân sự

Phân theo trình độ	31/12/2011	31/12/2012
Thạc sĩ, tiến sĩ	3 người	3 người
Đại học	40 người	31 người
Cao đẳng	15 người	12 người
Trung cấp, bậc nghề	19 người	18 người
Lao động phổ thông	130 người	129 người
Phân theo chức năng		
Lao động trực tiếp	118 người	95 người
Lao động gián tiếp	105 người	111 người

Chính sách thu hút nhân tài

Công ty có chính sách lương, thưởng xứng đáng và công bằng với cống hiến chất xám, ngoài các chế độ thưởng cuối năm, Công ty còn áp dụng các chính sách thưởng sáng kiến, thưởng kinh doanh hàng tháng, đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút lao động có năng lực từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Đặc biệt, Ban lãnh đạo Công ty hiểu rằng Chính sách thu hút và giữ chân nhân tài lâu dài và có hiệu quả nhất là tạo môi trường làm việc tốt, thoải mái, ổn định và tin cậy. Thực tế qua cuộc khảo sát quan điểm của Cán bộ công nhân viên Vĩnh Khánh năm 2012 cho thấy 70% người lao động trong Công ty hài lòng với môi trường làm việc của Vĩnh Khánh, cho rằng đó là một môi trường làm việc hợp tác, thân thiện, thoải mái, có tinh thần trách nhiệm, công nhân viên được đối xử công bằng, tin cậy và có được sự linh hoạt để sáng tạo trong công việc. Yếu tố môi trường làm việc tác động gần 40% đến mức độ hài lòng của người lao động khi làm việc tại Vĩnh Khánh.

Ngoài ra, để thu hút nhân tài gắn bó, Công ty còn áp dụng chính sách thăng tiến linh hoạt. Việc áp dụng chế độ tuyển dụng nội bộ và đào tạo bổ sung để tạo điều kiện cho người lao động trong Công ty có được một "Career Building", một môi trường làm việc rộng mở để người lao động thể hiện và chứng minh năng lực của mình thực sự đã góp phần thu hút và giữ chân người lao động.

Tình hình lao động hiện nay

Các dữ liệu thống kê về cổ đông

Cổng đông Nhà nước: Không có

Cổ đông sáng lập

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3700510650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/06/2003: Đăng ký thay đổi lần thứ 12, ngày 21/06/2012, danh sách cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

STT	Tên Cổ đông	CMND	Địa chỉ	Số cổ phần (CP)	Tỷ lệ góp vốn
1	Lâm Quy Chương	BA668433	76 Pape Avenutoronto Otario, Canada	3.035.602	23,35%
2	Quách Văn Hên	020452666	28/24 Mai Xuân Thưởng, Phường 1, Quận 6, Tp.HCM	1.313.888	10,11%
			Tổng	**4.349.490**	**33,46 %**

Theo quy định của Luật doanh nghiệp, từ ngày 02/06/2006 các cổ đông sáng lập của Công ty đã hết thời hạn bị hạn chế chuyển nhượng số cổ phần 4.349.490 cổ phần phổ thông do mình sở hữu.

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 30/10/2012

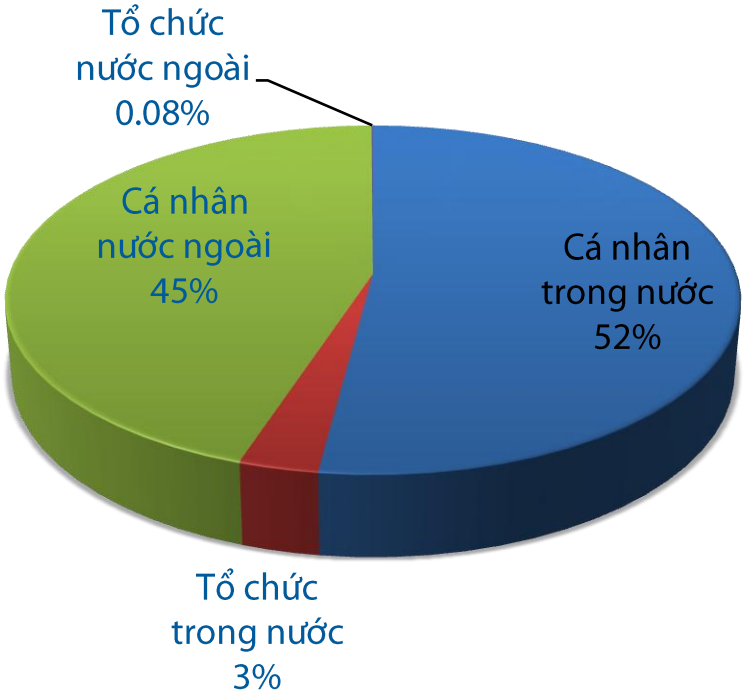

Cổ đông tổ chức (tại thời điểm 30/10/2012)

STT	Tên tổ chức	Số đăng ký	Ngày cấp	Địa chỉ	Số cổ phần
TRONG NƯỚC					
1	CTCP MỸ PHẨM SÀI GÒN	0300767984	16/05/2012	930 KCN CÁT LÁI, CỤM II, NGUYỄN THỊ ĐỊNH, P.THẠNH MỸ LỢI, Q2, TP.HCM	10,000
2	Cty TNHH TM DV Hồng Châu	4102037519	15/03/2005	31/2 Trần Quí Cáp, P.12, Q. Bình Thạnh	15,000
3	CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HỐ NAI	3600505336	18/11/2009	KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3, Trăng Bom, Đồng Nai honiz@vnn.vn	306,000
4	Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Chiến Thắng	4103004376	27/02/2006	230 Bạch Đằng, P.24, Bình Thạnh, Tp.HCM	2,000
5	Công ty CP Đầu tư và xây lắp Sông Đà	0500450173	05/04/2011	lô 60-61 khu đô thị mới Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội	56,200
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam	25/GCNTVLK	17/11/2006	Số 59 Quang Trung, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	70
7	Công ty cổ phần đầu tư phố Wall	0105625224	11/11/2011	63 Huỳnh Thúc Kháng, Đống Đa, Hà Nội	10,100
NƯỚC NGOÀI					
8	IWAI COSMO SECURITIES CO., LTD	CA2539	22/10/2008	1-8-12 Imabashi, CHuo-ku, Osaka-city, Osaka-ku, Japan	10,000

Cổ đông cá nhân nước ngoài (tại thời điểm 30/10/2012)

STT	Tên cá nhân	Số đăng ký	Ngày cấp	Địa chỉ	Quốc tịch	Số cổ phần
1	Huy Dinh Tran	IA5521	25/10/2011	6 Wilde St., Carramar NSW 2163, Australia	Australia	30,000
2	Isaka Yoichi	IA2310	05/04/2001	2-13-3-303 Kamitsuruma Honcho, Sagamihara-city, Kanagawa 228-0818, Japan	Japan	2,000
3	LIN WAI CHANG	IA5482	29/09/2011	48/3 Hồ Biểu Chánh, P.11, Q.Phú Nhuận, TP.HCM Q.Phú Nhuận TP.HCM	Canada	3,035,602
4	Lin Mei Kuang	VSDVKC132562201	22/10/2001	12 Lanc 41 Kukon Road, Taipei, Taiwan	Taiwan	2,576,000
5	PAN YUNG CHANG	IA5128	17/03/2011	414 Lô E chung cư Hùng Vương, P.11, Q.5, HCM	Taiwan	19,800
6	Wataru Miyazawa	IS3232	01/03/2007	6-5-5-603 chuourinkan Yamatoshi, Kanagawa-ken, Japan	Japan	100
7	YUAN YUAN	VSDVKCM5056701	21/04/2006	Unit 16, 2a Rosa Street, Oatley, MSN	Australia	160,000

Truyền Tải Niềm Tin
Cam Kết Chất Lượng

VINH KHANH

2012

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 05
Báo cáo kiểm toán	06
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012	07 - 08
Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2012	10
Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2012	11 - 38

Báo cáo tài chính kiểm toán 2011

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh (sau đây gọitắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh (tên giao dịch là: VINH KHANH CABLE - PLASTIC CORPORATION; tên viết tắt là: VCOM) được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Vĩnh Khánh (Công ty TNHH Vĩnh Khánh được thành lập theo Giấy phép thành lập số 4399/GP-TL-DN-02 ngày 05 tháng 12 năm 1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Sông Bé cấp). Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam.

Công theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000070 do Sở Kế hoạch và ty hoạt động Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 02 tháng 06 năm 2003 và đã đăng ký thay đổi lần 11 ngày 10 tháng 08 năm 2011.

Hiện công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán : VKC
Vốn điều lệ : 130.000.000.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính

Địa chỉ : 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : +84 (650) 3751 501 Fax : +84 (650) 3751 699
Mã số thuế : 3 7 0 0 5 1 0 6 5 0

Chi nhánh, văn phòng đại diện

Tên chi nhánh, văn phòng đại diện	**Địa chỉ**
Chi nhánh Đà Nẵng	Tổ 46, đường Lạc Long Quân, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng.
Chi nhánh Tp. HCM	A13, đường Trần Thiện Chánh, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.
Văn phòng đại diện	Số 111D, đường Lý Chính Thắng, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo của HĐQT

3. Ngành nghề hoạt động

Dịch vụ cung cấp thức ăn thủy hải sản;
Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tết bện;
Sản xuất giấy dùng trong tôn giáo;
Sản xuất săm lốp xe, các sản phẩm bằng cao su. Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa các loại, nhựa PVC, PE;
Sản xuất dây dẫn điện, cáp viễn thông, điện thoại, thiết bị điện thoại, quạt điện, mô - tơ các loại;
Sản xuất, lắp ráp các loại máy công cụ;
San lấp mặt bằng;
Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
Mua bán lốp xe, phụ tùng xe;
Mua bán thủy hải sản, quạt điện, bình điện, điện gia dụng, hàng trang trí nội thất, mô - tơ các loại, máy móc thiết bị dùng cho ngành điện, sắt thép, khung nhôm, hàng kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, bột màu công nghiệp, hóa chất cơ bản. Đại lý ký gửi hàng hóa. Mua bán dây dẫn điện, cáp viễn thông, linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển, điện thoại, thiết bị điện thoại, máy móc thiết bị dùng cho ngành viễn thông, các sản phẩm bằng cao su, nhựa các loại, nhựa PVC, PE, lò hơi thiết bị y tế, các loại giấy dùng trong tôn giáo, các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tết bện, ống gang, phụ tùng ống gang ngành cấp thoát nước.

4. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

	Họ tên	**Chức vụ**
Ông	Lâm Quy Chương	Chủ tịch
Ông	Hoàng Văn Quyền	Thành viên
Ông	Phạm Linh	Thành viên
Ông	Nguyễn Thoại Hồng	Thành viên
Ông	Lê Phẩm Vinh	Thành viên

4.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

	Họ tên	**Chức vụ**
Ông	Lê Minh Chi	Trưởng ban
Ông	Hà Anh Tuấn	Thành viên
Ông	Võ Thiên Chương	Thành viên

Báo cáo của HĐQT

4.3 Ban Điều hành

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

	Họ tên	Chức vụ
Ông	Lâm Quy Chương	Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Thoại Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Lê Phẩm Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Dương Minh Hòa	Kế toán trưởng

5. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 38.

6. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt -VIETVALUES được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt -VIETVALUES bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

8. Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Điều hành đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính, các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo của HĐQT

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty. Không một thành viên nào của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các công ty hay các bên liên quan.

9. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Bình Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2013

TM. Hội đồng Quản trị

M.S.D.N:3700510650-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP-NHỰA VĨNH KHÁNH
TX.DĨ AN-T.BÌNH DƯƠNG

Lâm Quy Chương

TỔNG GIÁM ĐỐC

Báo cáo của HĐQT

Số: 2138/13/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được lập ngày 26 tháng 03 năm 2012 (từ trang 07 đến trang 38) của Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh (sau đây gọi tắt là "Công ty").

Việc lập và trình bày số liệu trên Báo cáo tài chính thuộc về Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là trình bày ý kiến của mình về Báo cáo tài chính dựa trên công việc kiểm toán.

Cơ sở kiểm toán

Chúng tôi thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực kiểm toán yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và tiến hành công việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ảnh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh, được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp Hồ Chí Minh ngày 27 tháng 03 năm 2013

Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt – VIETVALUES

M.S.D.N: 0303128175-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN CHUẨN VIỆT
QUẬN 5-TP.HỒ CHÍ MINH

Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số:1512/KTV

Đào Vũ Thiên Long – Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 1739/KTV

Báo cáo kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH
Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Bảng cân đối kế toán
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	**A- TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**349,488,132,062**	**343,157,832,414**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	5.1	**18,048,193,089**	**40,788,059,768**
111	1. Tiền		7,722,908,970	22,494,543,236
112	2. Các khoản tương đương tiền		10,325,284,119	18,293,516,532
120	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**		-	-
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**163,398,426,018**	**153,359,523,433**
131	1. Phải thu của khách hàng	5.2	141,851,858,067	120,404,142,756
132	2. Trả trước cho người bán	5.3	21,523,080,912	29,047,056,433
138	5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.4	3,229,075,829	5,518,769,496
139	6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	5.5	(3,205,588,790)	(1,610,445,252)
140	**IV. Hàng tồn kho**	5.6	**163,281,014,594**	**144,589,737,706**
141	1. Hàng tồn kho		164,269,215,155	145,508,230,462
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(988,200,561)	(918,492,756)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**4,760,498,361**	**4,420,511,507**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	5.7	1,229,825,925	1,157,339,989
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		345,546,659	1,346,033,421
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		24,455,573	48,537,751
157	4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	
158	5 Tài sản ngắn hạn khác	5.8	3,160,670,204	1,868,600,346
200	**B- TÀI SẢN DÀI HẠN**		**104,827,883,590**	**110,958,873,037**
220	**II. Tài sản cố định**		**95,320,310,406**	**88,919,751,350**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5.9	87,720,960,460	77,331,823,811
222	*- Nguyên giá*		*205,851,169,387*	*179,965,227,272*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(118,130,208,927)*	*(102,633,403,461)*
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	5,263,433,496
225	*- Nguyên giá*		-	*7,829,006,944*
226	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		-	*(2,565,573,448)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	5.10	4,376,268,967	4,732,604,257
228	*- Nguyên giá*		*7,029,479,879*	*7,029,479,879*
229	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(2,653,210,912)*	*(2,296,875,622)*
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.11	3,223,080,979	1,591,889,786
240	**III. Bất động sản đầu tư**		-	-
250	**IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**		**6,652,642,000**	**18,597,758,851**
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	19,820,392,000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	5.12	7,711,642,000	-
259	4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	5.13	(1,059,000,000)	(1,222,633,149)
260	**V. Tài sản dài hạn khác**		**2,854,931,184**	**3,441,362,836**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	5.14	1,218,832,196	1,507,764,691
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.15	1,636,098,988	1,640,098,145
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	293,500,000
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**454,316,015,652**	**454,116,705,452**

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH
Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Bảng cân đối kế toán
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	**A- NỢ PHẢI TRẢ**		**288,964,232,009**	**291,271,533,098**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**288,964,232,009**	**290,987,249,149**
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	5.16	168,064,075,170	196,786,555,823
312	2. Phải trả người bán	5.17	111,698,644,260	84,607,747,915
313	3. Người mua trả tiền trước	5.18	1,078,398,855	1,103,961,328
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.19	3,190,515,683	3,302,175,498
315	5. Phải trả người lao động		2,006,905,124	2,313,964,680
316	6. Chi phí phải trả	5.20	592,458,367	615,310,694
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.21	743,330,956	417,103,915
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1,589,903,594	1,840,429,296
330	**II. Nợ dài hạn**		**-**	**284,283,949**
338	1. Doanh thu chưa thực hiện		-	284,283,949
400	**B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**165,351,783,643**	**162,845,172,354**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	5.22	**165,351,783,643**	**162,845,172,354**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		130,000,000,000	130,000,000,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
416	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		8,905,306,042	8,408,203,016
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		3,893,516,149	2,899,310,097
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		22,552,961,452	21,537,659,241
430	**II. Nguồn kinh phí và quỹ khác**		-	-
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**454,316,015,652**	**454,116,705,452**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
2. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
3. Ngoại tệ các loại (USD)	5.1.2	3,139.37	8,543.48

Bình Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Võ Văn Việt	Dương Minh Hoà	Lâm Quy Chương

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP-NHỰA VĨNH KHÁNH M.S.D.N:3700510650-C.T.C.P TX.DĨ AN-T.BÌNH DƯƠNG

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH
Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Kết quả hoạt động kinh doanh
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**742,445,472,100**	**670,021,347,244**
03	2. Các khoản giảm trừ		-	605,435,769
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	6.1	**742,445,472,100**	**669,415,911,475**
11	4. Giá vốn hàng bán	6.2	674,517,482,605	597,711,653,828
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**67,927,989,495**	**71,704,257,647**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.3	585,014,300	5,681,207,027
22	7. Chi phí tài chính	6.4	25,901,126,243	33,994,462,813
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*24,417,170,308*	*27,446,268,840*
24	8. Chi phí bán hàng	6.5	17,050,730,821	21,194,467,428
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.6	16,223,261,254	14,468,496,206
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**9,337,885,477**	**7,728,038,227**
31	11. Thu nhập khác	6.7	3,519,363,703	8,849,971,490
32	12. Chi phí khác	6.8	539,062,842	4,953,366,696
40	**13. Lợi nhuận khác**		**2,980,300,861**	**3,896,604,794**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**12,318,186,338**	**11,624,643,021**
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.9	1,816,266,815	1,790,261,876
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		3,999,157	(107,679,371)
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**10,497,920,366**	**9,942,060,516**
70	**18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	6.10	**808**	**765**

Bình Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Võ Văn Việt	Dương Minh Hoà	Lâm Duy Chương

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP-NHỰA VĨNH KHÁNH

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**1. Lợi nhuận trước thuế**		**12,318,186,338**	**11,624,643,021**
	2. Điều chỉnh các khoản		**40,408,055,764**	**39,246,224,748**
02	- Khấu hao tài sản cố định		14,078,827,948	13,924,875,352
03	- Các khoản dự phòng		1,501,218,194	256,795,220
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(1,188,380)	467,646,553
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		412,027,694	(2,849,361,217)
06	- Chi phí lãi vay		24,417,170,308	27,446,268,840
08	**3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**52,726,242,102**	**50,870,867,769**
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(11,604,047,884)	(6,398,522,878)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(18,760,984,693)	(48,289,521,629)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		28,431,193,040	(11,843,653,760)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		216,446,559	413,301,247
13	- Tiền lãi vay đã trả		(24,417,170,308)	(26,830,958,146)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3,683,448,746)	(1,333,819,087)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
16	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1,741,834,779)	(2,212,214,701)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***21,166,395,291***	***(45,624,521,185)***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(21,494,728,238)	(10,817,406,634)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		478,766,194	7,547,991,053
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(7,711,642,000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		19,820,392,000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		124,547,346	-
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(8,782,664,698)***	***(3,269,415,581)***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		590,522,687,703	602,794,412,155
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(619,245,168,355)	(533,707,413,569)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	(3,876,395,184)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6,402,305,000)	(12,824,650,000)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(35,124,785,652)***	***52,385,953,402***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)**		**(22,741,055,059)**	**3,492,016,636**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**40,788,059,768**	**37,222,894,800**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1,188,380	73,148,332
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	5.1	**18,048,193,089**	**40,788,059,768**

Bình Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Võ Văn Việt	Dương Minh Hoà	Lâm Quy Chương

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP-NHỰA VĨNH KHÁNH
M.S.D.N: 3700510650-C.T.C.P
TX. DĨ AN - T. BÌNH DƯƠNG

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

- Dịch vụ cung cấp thức ăn thủy hải sản;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tết bện;
- Sản xuất giấy dùng trong tôn giáo;
- Sản xuất săm lốp xe, các sản phẩm bằng cao su. Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa các loại, nhựa PVC, PE;
- Sản xuất dây dẫn điện, cáp viễn thông, điện thoại, thiết bị điện thoại, quạt điện, mô - tơ các loại;
- Sản xuất, lắp ráp các loại máy công cụ;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Mua bán lốp xe, phụ tùng xe;
- Mua bán thủy hải sản, quạt điện, bình điện, điện gia dụng, hàng trang trí nội thất, mô - tơ các loại, máy móc thiết bị dùng cho ngành điện, sắt thép, khung nhôm, hàng kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, bột màu công nghiệp, hóa chất cơ bản. Đại lý ký gửi hàng hóa. Mua bán dây dẫn điện, cáp viễn thông, linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển, điện thoại, thiết bị điện thoại, máy móc thiết bị dùng cho ngành viễn thông, các sản phẩm bằng cao su, nhựa các loại, nhựa PVC, PE, lò hơi thiết bị y tế, các loại giấy dùng trong tôn giáo, các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tết bện, ống gang, phụ tùng ống gang ngành cấp thoát nước.

NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

- Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).
- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào cuối kỳ kế toán các số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ được điều chỉnh lại theo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, ban hành theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ Tài chính.
- Tỷ giá hạch toán ngày 31 tháng 12 năm 2012 là: 20.828 VND/USD

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006; thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các thông tư, hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Cam kết kế toán

Chúng tôi, Ban Điều hành Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh cam kết tuân thủ đúng Luật kế toán, Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong hệ thống kế toán và báo cáo kế toán do Nhà nước Việt Nam quy định.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại, phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận: các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.
- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc;
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền;
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên;
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: vào thời điểm khóa sổ Công ty tổ chức đánh giá lại hàng tồn kho và trích lập trên cơ sở chênh lệch lớn hơn của giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- ***Nguyên tắc đánh giá:***

  Tài sản cố định được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.

  Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

  Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi/(lỗ) nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- ***Phương pháp khấu hao áp dụng:***

  Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

- ***Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:***
  - Nhà cửa, vật kiến trúc 05 – 20 năm
  - Máy móc thiết bị 03 – 12 năm
  - Phương tiện vận tải 04 – 12 năm
  - Thiết bị và dụng cụ quản lý 03 – 10 năm
  - Phần mềm 03 – 08 năm
  - Quyền sử dụng đất 20 – 43 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.
- Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.
- Chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai cho việc sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay được xác định một cách đáng tin cậy.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: chủ yếu là những chi phí công cụ, dụng cụ, sửa chữa tài sản cố định được phân bổ dần vào chi phí kết quả kinh doanh trong kỳ, và thời gian phân bổ căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: là số vốn thực góp của chủ sở hữu;
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo điều lệ Công ty.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

Doanh thu và chi phí

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

- Doanh thu tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Chi phí được ghi nhận phù hợp với doanh thu và chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không có bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

- **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.
Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;

- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nghĩa vụ tài chính

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Việt Nam:

- Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 25% thu nhập chịu thuế.

Năm 2012, Công ty được hưởng ưu đãi về thuế TNDN theo thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 08 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn Nghị định 60/2012/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành ngày 30 tháng 07 năm 2012: giảm 30% thuế TNDN năm 2012 (do Công ty thỏa điều kiện doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Điều 3, Nghị định 56/2009/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 30 tháng 06 năm 2009).

- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được thuyết minh lại để phù hợp với cách trình bày năm nay.

THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Mã số	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.1.1	Tiền mặt	536.133.634	236.994.101
5.1.2	Tiền gửi ngân hàng	7.186.775.336	22.257.549.135
5.1.3	Các khoản tương đương tiền	10.325.284.119	18.293.516.532
Tổng cộng		**18.048.193.089**	**40.788.059.768**

Tiền gửi ngân hàng

Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng gồm:

STT	Ngân hàng	Cuối năm	Đầu năm
1	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	662.469.587 9.208.011	1.205.191.445 21.423.633
2	Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Bình	674.906.849 973.917	3.258.036.632 973.917
3	Ngân hàng Far East National - Chi nhánh Hồ Chí Minh	2.179.105 21.374.746	2.168.070 21.363.904
4	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh	402.472.392	3.952.724.888
5	Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam	832.620.714 896.644	2.405.073.630 101.285.523
6	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	2.917.056.422 2.087.590	2.141.340.359 2.085.091
7	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	115.121.608 17.235.222	219.390.007 6.798.728
8	Ngân hàng TNHH United Overseas - Chi nhánh Hồ Chí Minh	559.285.482 5.415	351.958.964 183.911
9	Ngân hàng TMCP Phương Tây	38.554.946	367.650.224
10	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	20.550.483	3.558.294.282
11	Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Đồng Nai	8.934.286	3.849.912.063
12	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	18.051.906	325.140.035
13	Các ngân hàng khác	882.790.011	466.553.829
Cộng		**7.186.775.336**	**22.257.549.135**

Các khoản tương đương tiền

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Ngân hàng TMCP Á Châu	325.284.119	293.516.532
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	10.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	**10.325.284.119**	**18.293.516.532**

Phải thu khách hàng

Là khoản phải thu tiền bán sản phẩm, hàng hóa.

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Các khách hàng Chi nhánh Thủ Đức	23.935.019.339	14.026.001.009
- Công ty Cổ phần Vĩnh Đại	26.119.779.013	18.930.987.616
- Các khách hàng Chi nhánh Cần Thơ	7.505.688.563	6.895.529.200
- Công ty TNHH Vĩnh Khanh	9.265.067.236	9.683.434.993
- Công ty TNHH Viễn thông FPT Miền Nam	7.172.098.560	5.588.961.697
- Các khách hàng khác	67.854.205.356	65.279.228.241
Cộng	**141.851.858.067**	**120.404.142.756**

Trả trước cho người bán

Là khoản trả trước tiền mua vỏ xe và vật tư phục vụ sản xuất.

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty TNHH Wenwu Enterprise	13.712.923.009 (# USD 658.654,61)	13.243.972.525 (# USD 661.911,89)
- Công ty TNHH Decent International	5.009.171.209 (#USD 240.490)	6.296.930.698 (#USD 302.330,07)
- Các đối tượng khác	2.800.986.694	9.506.153.210
Cộng	**21.523.080.912**	**29.047.056.433**

Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Chủ yếu là khoản phải thu tiền cho mượn.

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Trần Thục Mẫn	3.200.053.900	4.000.000.000
- Các đối tượng khác	29.021.929	1.518.769.496
Cộng	**3.229.075.829**	**5.518.769.496**

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty CP Phát triển Đô thị Việt Nam	444.860.658	-
- Công ty CP Cáp và Vật liệu Viễn Thông	490.770.423	294.462.254
- Công ty CP Thiết kế Xây lắp Viễn Đông	345.539.938	241.877.957
- Chi nhánh Công ty Cp Đầu tư Xây lắp TM 1	176.778.605	176.778.605
- Các đối tượng khác	(1.747.639.166)	897.326.436
Cộng	**3.205.588.790**	**1.610.445.252**

Hàng tồn kho

Chi tiết gồm:

Mã số	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.6.1	Nguyên liệu, vật liệu	59.558.049.425	42.622.994.240
5.6.2	Công cụ, dụng cụ	46.556.000	-
5.6.3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.204.250.530	15.387.167.875
5.6.4	Thành phẩm	43.476.890.646	40.660.749.518
5.6.5	Hàng hóa	46.983.468.554	46.837.318.829
5.6.6	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(988.200.561)	(918.492.756)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho		**163.281.014.594**	**144.589.737.706**

Chi phí trả trước ngắn hạn

Chủ yếu là chi phí quảng cáo và chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ.

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.157.339.989	1.140.945.282
Phát sinh tăng trong năm	4.597.625.133	6.786.270.242
Phân bổ trong năm	(4.525.139.197)	(6.769.875.535)
Số dư cuối năm	**1.229.825.925**	**1.157.339.989**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH
Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tài sản ngắn hạn khác

STT	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
1	Tạm ứng	2.124.282.518	1.551.138.230
2	Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.036.387.686	317.462.116
Cộng		**3.160.670.204**	**1.868.600.346**

Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
guyên giá					
ố dư đầu năm	**11.009.283.312**	**155.140.090.438**	**12.071.283.894**	**1.744.569.628**	**179.965.227.272**
ăng trong năm	761.572.180	26.910.017.264	-	20.954.545	27.692.543.989
ng do mua sắm	*-*	*13.971.899.506*	*-*	*20.954.545*	*13.992.854.051*
ng khác	*761.572.180*	*12.938.117.758*	*-*	*-*	*13.699.689.938*
iảm trong năm	-	542.328.320	1.264.273.554	-	1.806.601.874
nh lý, nhượng bán	*-*	*542.328.320*	*1.264.273.554*	*-*	*1.806.601.874*
ố dư cuối năm	**11.770.855.492**	**181.507.779.382**	**10.807.010.340**	**1.765.524.173**	**205.851.169.387**
Giá trị hao mòn					
ố dư đầu năm	**6.733.504.595**	**88.861.607.137**	**5.428.122.576**	**1.610.169.153**	**102.633.403.461**
ăng trong năm	538.499.879	14.748.953.579	908.589.758	92.022.890	16.288.066.106
ấu hao trong năm	*538.499.879*	*12.183.380.131*	*908.589.758*	*92.022.890*	*13.091.969.889*
ng khác	*-*	*2.565.573.448*	*-*	*-*	*2.565.573.448*
iảm trong năm	-	-	791.260.640	-	791.260.640
nh lý, nhượng bán	*-*	*-*	*791.260.640*	*-*	*791.260.640*
ố dư cuối năm	**7.272.004.474**	**103.610.560.716**	**5.545.451.694**	**1.673.242.838**	**118.130.208.927**
Giá trị còn lại					
ại ngày đầu năm	***4.275.778.717***	***66.278.483.302***	***6.643.161.318***	***134.400.475***	***77.331.823.811***
ại ngày cuối năm	***4.498.851.018***	***77.897.218.666***	**5.261.558.646**	**63.332.130**	***87.720.960.460***

- Trong đó:

- *Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng là 46.371.814.380 đồng.*
- *Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng thế chấp là 5.044.961.925 đồng.*

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

sản cố định vô hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình:

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, phần mềm	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	**6.628.429.473**	**401.050.406**	**7.029.479.879**
2. Tăng trong năm			
3. Giảm trong năm			
4. Số dư cuối năm	**6.628.429.473**	**401.050.406**	**7.029.479.879**
II. Giá trị hao mòn			
1. Số dư đầu năm	**2.127.595.947**	**169.279.675**	**2.296.875.622**
2. Tăng trong năm	299.725.884	56.609.406	356.335.290
- Khấu hao trong năm	*299.725.884*	*56.609.406*	*356.335.290*
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	**2.427.321.831**	**225.889.081**	**2.653.210.912**
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	***4.500.833.526***	***231.770.731***	***4.732.604.257***
2. Tại ngày cuối năm	***4.201.107.642***	***175.161.325***	***4.376.268.967***

- *Quyền sử dụng đất: là quyền sử dụng đất số AB527855, BA179285 và T 751759 tọa lạc tại phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.*
- *Trong đó giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp là 4.201.107.642 đồng.*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng Xưởng hạt nhựa

Đầu tư dài hạn khác

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vĩnh Đại với tỷ lệ sở hữu vốn là 19% (số cổ phần sở hữu là 771.164 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần).

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn

Là khoản lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vĩnh Đại.

Chi phí trả trước dài hạn

Chủ yếu là chi phí sửa chữa máy móc thiết bị, nhà xưởng và chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ.

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.507.764.691	1.937.460.645
Phát sinh tăng trong năm	994.248.399	968.901.677
Phân bổ trong năm	(1.283.180.894)	(1.398.597.631)
Số dư cuối năm	**1.218.832.196**	**1.507.764.691**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH
Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chủ yếu phát sinh từ khoản khấu hao chênh lệch tạm thời của tài sản cố định những năm trước.

Chi tiết gồm:

Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	Số tiền	Thuế suất thuế TNDN	Tài sản thuế TNDN hoãn lại
- Khấu hao QSDĐ từ năm 2004 đến năm 2007	1.400.000.000	28%	392.000.000
- Khấu hao máy móc thiết bị năm 2009	4.561.675.096	25%	1.140.418.774
- Chi phí lãi vay 2012	592.458.367	25%*70%	103.680.214
Cộng	**6.554.133.463**		**1.636.098.988**

Vay và nợ ngắn hạn

Mã số	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.16.1	Vay ngắn hạn	168.064.075.170	196.201.109.844
5.16.2	Nợ dài hạn đến hạn trả	-	585.445.979
Cộng		**168.064.075.170**	**196.786.555.823**

Vay ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam – Chi nhánh Tp. HCM (1)	43.111.193.799 4.750.241.960 (#USD 228.070)	45.969.154.435 10.696.930.676 (#USD 513,584.15)
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (2)	24.515.715.420	38.582.003.989
- Ngân hàng Liên doanh Shinhan Vina – Chi nhánh Bình Dương (3)	27.736.215.341	28.143.808.935
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương (4)	38.935.941.466	23.768.937.590 9.992.729.540 (#USD 479.773,84)
- Ngân hàng TNHH United Overseas - Chi nhánh Tp. HCM (5)	5.133.771.705 8.966.892.429 (#USD 430.521)	6.237.439.198 3.103.869.581 (#USD 149.023,89)
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tp. HCM (6)	14.914.103.050	9.714.133.000
- Ngân hàng TMCP Phương Tây	-	19.992.102.900
Cộng	**168.064.075.170**	**196.201.109.844**

- **Chi tiết vay ngắn hạn**

a. Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh

Hợp đồng tín dụng số VNM CDT 080780 ngày 12/09/2008 và Thư gia hạn thời gian hợp đồng số VNM 111577 ngày 13/10/2011.

+ Hạn mức	:	2.500.000 USD hoặc (qui đổi tương đương bằng VND);
+ Thời hạn vay	:	3 tháng cho từng lần nhận nợ;
+ Lãi suất	:	Lãi suất cho vay theo từng lần giải ngân;
+ Mục đích vay	:	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động;
+ Hình thức đảm bảo	:	Bảo lãnh cá nhân từ Ông Lâm Quy Chương (Chủ tịch Hội đồng Quản trị) và thế chấp Quyền sử dụng đất tại xã Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
+ Số dư tại thời điểm 31/12/2012	:	47.861.435.759 VND

b. Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn

Hợp Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 0077/HĐTD2 - VIB625/12 ngày 28 tháng 06 năm 2012.

+ Hạn mức	:	30.000.000.000 VND;
+ Thời hạn vay	:	12 tháng từ ngày 28/06/2012;
+ Lãi suất	:	Lãi suất tại thời điểm giải ngân;
+ Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động;
+ Hình thức đảm bảo	:	- Hợp đồng tiền gửi của công ty CP Cáp Nhựa Vĩnh Khánh do VIB phát hành (10.000.000.000); - Quyền sử dụng đất và nhà xưởng tại Lô X-2 KCN Hố Nai, huyện Trảng Bom, Đồng Nai; - Hàng tồn kho luân chuyển;
+ Số dư tại ngày 31/12/2012	:	24.515.715.420 VND.

c. Ngân hàng Liên doanh Shinhan Vina Chi nhánh Bình Dương

Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 240-27-0804 ngày 01 tháng 09 năm 2011.

+ Hạn mức	:	29.000.000.000 VND;
+ Thời hạn vay	:	đến ngày 01/09/2012; lần nhận nợ);
+ Lãi suất	:	tại thời điểm nhận tiền vay;
+ Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động;
+ Hình thức đảm bảo	:	Quyền sử dụng đất số BA 179285 của Công ty, tại xã Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
+ Số dư tại ngày 31/12/2012	:	27.736.215.341 VNĐ.

d. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương

Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 008AA11 ngày 20 tháng 10 năm 2011.

+ Hạn mức	:	50.000.000.000 VND
+ Thời hạn vay	:	8 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn (theo từng giấy nhận nợ);
+ Lãi suất	:	Theo thông báo tại thời điểm rút vốn;

+ Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động;
+ Hình thức đảm bảo	:	- Quyền sử dụng đất số T751759 tọa lạc tại xã Bình An, Huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh; - Máy móc thiết bị;
+ Số dư tại thời điểm 31/12/2012	:	38.935.941.466 VND

a. Ngân hàng TNHH United Overseas - Chi nhánh Tp. HCM

Hợp đồng tín dụng mở LC số 10220111213-01 ngày 13/12/2011

+ Hạn mức	:	700,000.00 USD;
+ Thời hạn vay	:	3 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên);
+ Lãi suất	:	Được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ;
+ Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động;
+ Hình thức đảm bảo	:	Là khoản bảo lãnh tiền gửi của Ông Lâm Quy Chương ;
+ Số dư tại thời điểm 30/06/2012	:	5.133.771.705 VND và 8.966.892.429 (tương đương 430.521,05 USD).

b. Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh

Hợp đồng tín dụng số 146.12.101.301602.TD.DN ký kết vào ngày 03 tháng 05 năm 2012.

+ Hạn mức	:	15.000.000.000 VND;
+ Thời hạn vay	:	đến ngày 30/04/2013;
+ Lãi suất	:	Được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ;
+ Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động, mở L/C;
+ Hình thức đảm bảo	:	Hàng tồn kho luân chuyển (võ ruột xe các loại) bảo quản trong kho đặt tại trụ sở công ty và tại chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh;
+ Số dư tại thời điểm 31/12/2012	:	14.914.103.050 VND.

trả người bán

Là khoản phải trả tiền mua vỏ xe và vật tư phục vụ sản xuất.

Chi tiết gồm:	**Cuối năm**	**Đầu năm**
- Công ty TNHH CN Cao su Chính Tân Việt Nam	85.552.798.800	60.737.997.650
- Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất Phú Mỹ	5.687.565.060	7.638.275.761
- Công ty TNHH Nhựa TEP	1.469.477.250	3.468.515.169
- Các nhà cung cấp khác	18.988.803.150	12.762.959.335
Cộng	**111.698.644.260**	**84.607.747.915**

i mua trả tiền trước

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty Cổ phần Công nghệ NTECH-I	418.355.300	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Vạn Phát Hưng	182.151.310	-
- Các nhà cung cấp khác	477.892.245	1.103.961.328
Cộng	**1.078.398.855**	**1.103.961.328**

và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	1.023.014.575	-
- Thuế xuất nhập khẩu	619.162.997	42.844.439
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.495.759.226	3.178.911.782
- Thuế khác	52.578.885	80.419.277
Cộng	**3.190.515.683**	**3.302.175.498**

hí phải trả

Là chi phí lãi vay phải trả.

hoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Cổ tức phải trả cổ đông	273.045.000	175.350.000
- Các khoản phải trả khác	470.285.956	237.081.915
- Kinh phí công đoàn	-	4.672.000
Cộng	**743.330.956**	**417.103.915**

Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Qũy đầu tư phát triển	Qũy dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	**130.000.000.000**	**1.991.216.558**	**6.549.989.471**	**2.060.501.955**	**27.754.561.753**	**168.356.269.737**
Tăng trong năm trước	-	-	1.858.213.545	929.106.773	9.942.060.516	12.729.380.834
Giảm trong năm trước	-	1.991.216.558	-	90.298.631	16.158.963.027	18.240.478.216
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	**130.000.000.000**	-	**8.408.203.016**	**2.899.310.097**	**21.537.659.241**	**162.845.172.354**
Tăng trong năm nay	-	-	497.103.026	994.206.052	10.497.920.366	11.989.229.444
Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh kỳ này	-	-	-	-	*10.497.920.366*	*10.497.920.366*
Tăng từ lợi nhuận năm trước	-	-	*497.103.026*	*994.206.052*	-	*1.491.309.078*
Giảm trong năm nay	-		-	-	9.482.618.155	9.482.618.155
Số dư cuối năm	**130.000.000.000**	-	**8.905.306.042**	**3.893.516.149**	**22.552.961.452**	**165.351.783.643**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

(1) Chi tiết vốn chủ sở hữu gồm:

Cổ phiếu

Chi tiết:	**Cuối năm**	**Đầu năm**
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành	13.000.000	13.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*13.000.000*	*13.000.000*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*13.000.000*	*13.000.000*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

(2) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số dư đầu năm	**21.537.659.241**
Tăng từ kết quả kinh doanh trong năm nay	10.497.920.366
Giảm trong năm nay	(9.482.618.155)
Chi tiết gồm:	
- *Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi*	*(1.491.309.077)*
- *Trích Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2011*	*(497.103.026)*
- *Trích Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận năm 2011*	*(994.206.052)*
- *Cổ tức phải trả*	*(6.500.000.000)*
Số dư cuối năm	**22.552.961.452**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH
Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Là doanh thu bán vỏ xe, nhựa, cáp và khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu vỏ xe	530.437.498.753	437.011.043.319
- Doanh thu cáp	139.422.813.562	141.102.224.503
- Doanh thu nhựa	70.518.496.916	90.309.738.623
- Doanh thu khác	2.066.662.869	992.905.030
Cộng	**742.445.472.100**	**669.415.911.475**

Giá vốn hàng bán

Là giá vốn vỏ xe, nhựa, cáp và khác.

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn vỏ xe	490.372.348.133	393.673.175.272
- Giá vốn cáp	131.451.619.834	136.760.031.713
- Giá vốn nhựa	50.388.607.596	65.861.357.596
- Giá vốn khác	2.304.907.042	1.417.089.247
Cộng	**674.517.482.605**	**597.711.653.828**

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	349.446.260	368.747.178
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.769.336	4.249.729.721
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	222.798.704	1.062.730.128
Cộng	**585.014.300**	**5.681.207.027**

Chi phí tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	24.417.170.308	27.446.268.840
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.395.018.107	5.546.826.511
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	52.529.928	172.367.045
- Chi phí tài chính khác	36.407.901	829.000.417
Cộng	**25.901.126.243**	**33.994.462.813**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lương nhân viên bán hàng	5.774.426.372	6.204.500.879
- Chi phí khấu hao TSCĐ	301.137.691	369.580.299
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.331.507.143	13.927.796.358
- Chi phí bằng tiền khác	643.659.615	692.589.892
Cộng	**17.050.730.821**	**21.194.467.428**

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lương nhân viên quản lý	5.757.735.250	5.536.548.911
- Chi phí công cụ, dụng cụ	7.500.000	14.309.099
- Chi phí khấu hao TSCĐ	708.128.700	739.823.475
- Chi phí dự phòng	1.623.922.940	558.813.635
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.327.199.821	6.638.069.278
- Chi phí bằng tiền khác	798.774.543	976.931.808
Cộng	**16.223.261.254**	**14.464.496.206**

Thu nhập khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Tiền đền bù giải tỏa	2.846.846.000	7.466.172.871
- Thu thanh lý tài sản cố định	478.766.194	81.818.182
- Thu nhập từ hàng tồn kho thừa đã xử lý	192.844.159	1.301.980.437
- Thu nhập khác	907.350	-
Cộng	**3.519.363.703**	**8.849.971.490**

Chi phí khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	473.012.914	-
- Giá trị còn lại tài sản cố định giải tỏa	-	4.698.629.836
- Chi phí khác	66.049.928	254.736.860
Cộng	**539.062.842**	**4.953.366.696**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi tiết gồm:	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.318.186.338
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu Thuế thu nhập doanh nghiệp	
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.522.637.866
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.462.156.694)
Tổng thu nhập chịu thuế	10.378.667.510
Chi phí thuế TNDN phải nộp (25%)	2.594.666.878
Chi phí thuế TNDN được giảm (30%) (*)	(778.400.063)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	**1.816.266.815**

(*) Năm 2012, Công ty được hưởng ưu đãi về thuế TNDN theo Nghị định 60/2012/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành ngày 30 tháng 07 năm 2012: giảm 30% thuế TNDN năm 2012 (do Công ty thỏa điều kiện doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Điều 3, Nghị định 56/2009/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 30 tháng 06 năm 2009).

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.497.920.366	9.942.060.516
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.497.920.366	9.942.060.516
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.000.000	13.000.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**808**	**765**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi tiết gồm:	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.318.186.338
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu Thuế thu nhập doanh nghiệp	
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.522.637.866
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.462.156.694)
Tổng thu nhập chịu thuế	10.378.667.510
Chi phí thuế TNDN phải nộp (25%)	2.594.666.878
Chi phí thuế TNDN được giảm (30%) (*)	(778.400.063)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	**1.816.266.815**

(*) Năm 2012, Công ty được hưởng ưu đãi về thuế TNDN theo Nghị định 60/2012/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành ngày 30 tháng 07 năm 2012: giảm 30% thuế TNDN năm 2012 (do Công ty thỏa điều kiện doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Điều 3, Nghị định 56/2009/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 30 tháng 06 năm 2009).

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.497.920.366	9.942.060.516
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.497.920.366	9.942.060.516
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.000.000	13.000.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**808**	**765**

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	254.342.880.840	370.853.320.740
- Chi phí nhân công	17.294.613.350	15.857.418.688
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.448.305.179	13.924.875.352
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.939.878.854	40.567.933.053
- Các chi phí bằng tiền khác	3.076.916.874	2.669.797.739
Cộng	**328.102.595.097**	**443.873.345.572**

NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tiền lương và tiền thưởng của Ban Tổng Giám đốc và các thành viên chủ chốt (*) của Công ty

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Thu nhập đã phát sinh trong kỳ	1.641.008.000	1.453.442.000

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm Soát.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan phát sinh trong năm

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Vĩnh Đại	Là công ty nhận vốn góp với tỷ lệ 19%

Công ty Cổ phần Vĩnh Đại	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng (*)	42.907.154.061	48.594.551.570
- Thu tiền bán hàng	35.718.362.664	40.284.684.973
- Phải trả tiền mua hàng	50.364.083.114	42.722.272.219
- Trả tiền mua hàng	44.261.834.081	48.066.403.446

(*) Giá bán các sản phẩm và giá mua nguyên phụ liệu đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Số dư cuối năm với các bên liên quan

Các bên liên quan	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Vĩnh Đại		
- Phải thu bán hàng	26.119.779.013	18.930.987.616
- Phải trả người bán	2.094.576.799	-
- Ứng trước người bán	-	4.007.672.234

THÔNG TIN KHÁC

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.048.193.089	40.788.059.768	18.048.193.089	40.788.059.768
Phải thu khách hàng	138.646.269.277	118.793.697.504	138.646.269.277	118.793.697.504
Các khoản phải thu khác	6.389.746.033	5.518.769.496	6.389.746.033	5.518.769.496
Cộng	**163.084.208.399**	**165.100.526.768**	**163.084.208.399**	**165.100.526.768**
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ ngắn hạn	168.064.075.170	196.786.555.823	168.064.075.170	196.786.555.823
Phải trả cho người bán	111.698.644.260	84.607.747.915	111.698.644.260	84.607.747.915
Phải trả người lao động	2.006.905.124	2.313.964.680	2.006.905.124	2.313.964.680
Các khoản phải trả khác	743.330.956	417.103.915	743.330.956	417.103.915
Cộng	**283.105.413.877**	**284.740.683.027**	**283.105.413.877**	**284.740.683.027**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các yếu tố của rủi ro tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- **Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro ngoại tệ của Công ty là không đáng kể.

- **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ ngắn hạn	168.064.075.170	-	-	168.064.075.170
Phải trả cho người bán	111.698.644.260	-	-	111.698.644.260
Người mua trả tiền trước	1.078.398.855	-	-	1.078.398.855
Các khoản phải trả khác	743.330.956	-	-	743.330.956
Cộng	**281.584.449.241**	-	-	**281.584.449.241**
Số đầu năm				
Vay và nợ ngắn hạn	196.786.555.823	-	-	196.786.555.823
Phải trả cho người bán	84.607.747.915	-	-	84.607.747.915
Người mua trả tiền trước	1.103.961.328	-	-	1.103.961.328
Các khoản phải trả khác	417.103.915	-	-	417.103.915
Cộng	**282.915.368.981**	-	-	**282.915.368.981**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp Quyền sử dụng đất số T751759 tọa lạc tại xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng đất số BA 179285 của Công ty, tại phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; Hàng tồn kho luân chuyển và Tài khoản tiền gửi của Bà Trần Thục Mẫn với giá trị 19.500.000.000 đồng cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 5.16).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chủ yếu là theo lĩnh vực kinh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh vỏ xe
- Kinh doanh cáp
- Kinh doanh nhựa

	Kinh doanh Vỏ xe	Kinh doanh Cáp	Kinh doanh Nhựa	Khác	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng	530.437.498.753	139.422.813.562	70.518.496.916	2.066.662.869	742.445.472.100
Giá vốn hàng bán	490.372.348.133	131.451.619.834	50.388.607.596	2.304.907.042	674.517.482.605
Lãi gộp	*40.065.150.620*	*7.971.193.728*	*20.129.889.320*	*(238.244.173)*	*67.927.989.495*
- Kết quả kinh doanh không theo bộ phận					12.318.186.338
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(1.816.266.815)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					3.999.157
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					10.497.920.366
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng	437.011.043.319	141.102.224.503	90.309.738.623	992.905.030	669.415.911.475
Giá vốn hàng bán	393.673.175.272	136.760.031.713	65.861.357.596	1.417.089.247	597.711.653.828
Lãi gộp	*43.337.868.047*	*4.342.192.790*	*24.448.381.027*	*-424.184.217*	*71.704.257.647*
- Kết quả kinh doanh không theo bộ phận					11.624.643.021
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(1.790.261.876)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(107.679.371)
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					9.942.060.516

Khu vực địa lý

Phần lớn các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH
Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào khác xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo này.

Bình Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Võ Văn Việt	Dương Minh Hoà	Lâm Quy Chương

M.S.D.N:3700510650-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP-NHỰA VĨNH KHÁNH
TX.DĨ AN-T.BÌNH DƯƠNG

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

Truyền Tải Niềm Tin, Cam Kết Chất Lượng

VINH KHANH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Trụ sở : 630/1 Tổ 1 - KP Châu Thới - P.Bình An - TX. Dĩ An - Tỉnh Bình Dương

Điện Thoại: 0650 3751 501 - Fax: 0650 3751 699

Website: www.vinhkhanh.com.vn - Email: vinhkhanh@vcom.com.vn